TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2024/HC-PT
Ngày: 04/9/2024
V/v: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.***

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại:

- Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 165/2024/TLPT-HC ngày 25 tháng 4 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9470/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Khương Tân P – Văn phòng L1, Đoàn Luật sư thành phố H; Vắng mặt.

*** Người bị kiện:** Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T; Địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số A, tổ F phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Ông Hoàng Như S, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

4. Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm C, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

5. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

6. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

7. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

8. Ông Hoàng Như T2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

9. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu N, phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986; Địa chỉ: N ba N, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T3 và anh T4: Ông Hoàng Như S.

11. Anh Hoàng Như D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

12. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt tại điểm cầu thành phần.

13. Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị T5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vợ chồng cụ Hoàng Như G và cụ Lê Thị P1 có 10 người con là: Bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị M1 *(chết năm 1996, có 2 con là anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4),* ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Như L *(chết năm 2018, có vợ là bà Nguyễn Thị M và 02 con là Hoàng Như G1 (chết năm 2022), Hoàng Như D),* bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị B1, bà Hoàng Thị

T, bà Hoàng Thị T1 và ông Hoàng Như T2. Quá trình chung sống, cụ G và cụ P1 tạo lập được khối tài sản là các phần diện tích đất sau:

- Toàn bộ diện tích 2.746 m^2 đất (tại các thửa 364, 197, 211, 212, 202, 203, 404, 393, 367B đều thuộc tờ bản đồ số 20). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A 226916 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSD đất số 00359 ngày 01/07/1990 mang tên ông Hoàng Như Đ, được cập nhật chỉnh lý biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 09/9/2015;

- Toàn bộ diện tích 755 m^2 đất (tại các thửa 141, 146 tờ bản đồ số 10 và thửa 62, 146 tờ bản đồ số 19). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BR 976887, số vào sổ cấp GCNQSD đất 1106 ngày 11/07/2014 mang tên hộ ông Hoàng Như G và bà Lê Thị P1;

- Toàn bộ diện tích 1.576m^2 đất (tại các thửa 38, 59, 60, 119, 121 đều thuộc tờ bản đồ số 10). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BR 838532, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1105 ngày 18/06/2014 mang tên hộ ông Hoàng Như G và bà Lê Thị P1;

- Toàn bộ diện tích 59 m^2 đất (tại các thửa 120 tờ bản đồ số 10 và thửa 24, 37 tờ bản đồ số 19). Đất đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BR 838532 số vào sổ cấp GCNQSDĐ đất 686 ngày 18/06/2014 mang tên hộ ông Hoàng Như G và bà Lê Thị P1.

Ngày 29/8/2012, cụ Hoàng Như G chết không để lại di chúc.

Tháng 8/2018, cụ Lê Thị P1 cùng 08 người con là bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị B1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị T1 và ông Hoàng Như T2 đã tiến hành thoả thuận phân chia tài sản thừa kế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nội dung thống nhất thoả thuận việc phân chia di sản thừa kế của cụ G để lại cho cụ Lê Thị P1 được thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên. Do vậy, cụ Lê Thị P1 đã được cấp các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) với thông tin như sau:

1. GCNQSDĐ CS 00793 sêri CO 828766 cấp ngày 20/09/2018;

2. GCNQSDĐ số CS 00790 sêri CO828765 cấp ngày 20/09/2018;

3. GCNQSDĐ số CS 00792 sêri CO828763 cấp ngày 20/09/2018;

4. GCNQSDĐ số CS00791 sêri CO 828764 cấp ngày 20/09/2018.

Sau khi phát hiện sự việc, gia đình bà Nguyễn Thị M (đại diện là anh Hoàng Như G1) đã có đơn khiếu nại về việc thiếu hàng thừa kế trong biên bản thoả thuận phân chia tài sản thừa kế gửi đến Ủy ban nhân dân xã K.

Tại biên bản làm việc ngày 02/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K đã kết luận, văn bản phân chia do gia đình bà Lê Thị P1 lập năm 2018 đã bỏ sót hàng thừa kế theo pháp luật của vợ và con đẻ của ông Hoàng Như L và hàng thừa kế thế vị của con đẻ bà Hoàng Thị M1 là chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Do vậy, ngày 07/4/2023, bà Nguyễn Thị M đã có đơn khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án:

+ Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828763 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên cụ Lê Thị P1.

+ Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828764 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên bà Lê Thị P1.

+ Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828765 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên cụ Lê Thị P1.

+ Hủy Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828766 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên cụ Lê Thị P1.

Lý do bà M khởi kiện vì bà cho rằng chồng bà là ông Hoàng Như L (chết năm 2018) chết sau cụ Hoàng Như G nên bà cùng các con là Hoàng Như D và Hoàng Như G1 sinh năm (chết năm 2022) là người thừa kế chuyển tiếp của ông Hoàng Như L. Ngoài ra, bà Hoàng Thị M1 (chết năm 1996) nên hai người con của bà M1 là anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4 là người thừa kế thế vị. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập tại Ủy ban nhân dân xã K tháng 8/2018 thiếu thành phần mẹ con bà và các con của bà M1 là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T vẫn cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho cụ P1 làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 07/10/2023, bà M được biết toàn bộ diện tích đất trên đã được cụ P1 tặng cho lại con trai là ông Hoàng Như S và con dâu là bà Nguyễn Thị T5. Do vậy, trong ngày 07/10/2023, bà M có đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án:

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 097094 số vào sổ CS00849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho ông Hoàng Như S

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 097096 số vào sổ CS 00848 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho bà Nguyễn Thị T5

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 097095 số vào sổ CS 00847 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho bà Nguyễn Thị T5

+ Tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 029529 số vào sổ CS 00862 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/12/2018 cho bà Nguyễn Thị T5

**** Người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T có ý kiến như sau:***

- Về thành phần hồ sơ:

+ Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã K chứng thực tháng 8 năm 2018;

+ Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 976886; số BR 976887 do UBND huyện Đ cấp ngày 11/7/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 838532 do UBND huyện Đ cấp ngày 18/6/2014 và A 226916 do UBND huyện Đ cấp ngày 01/7/1990;

+ Các tờ khai thuế theo quy định.

Như vậy, về thành phần hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lê Thị P1 nhận thừa kế từ ông Hoàng Như G theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 05/12/2017 của Bộ T7.

- Về trình tự giải quyết:

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ tiếp nhận 02 bộ hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lê Thị P1 nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Hoàng Như G, địa chỉ thửa đất: xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kiểm tra hồ sơ đầy đủ theo quy định, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã lập 02 phiếu chuyển thông tin số 2212/PCTTĐC và 2213/PCTTĐC gửi Chi cục thuế huyện Đ để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, đến ngày 17/9/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 3354/TB-CCT và 3355/TB-CCT ngày 13/9/2018.

Ngày 17/9/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có Tờ trình số 2272/TTr-CNVPĐKĐĐ và 2273/TTr-CNVPĐKĐĐ gửi đến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T. Ngày 20/09/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số CO 828763, CO 828764, CO 828765, CO 828766 cho bà Lê Thị P1, sử dụng đất tại xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Trình tự giải quyết hồ sơ nêu trên đúng theo quy định tại Điều 79, Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/03/2016 của Bộ trưởng Bộ T7; Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 09/05/2018 của UBND tỉnh T về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- *Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828763, CO 828764, CO 828765, CO 828766 cho bà Lê Thị P1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

***** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã K trình bày*:

- Về văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do UBND xã K chứng thực tháng 8 năm 2018, số chứng thực 142, quyển số 01/2018. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch quy định:

"Người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; tính hợp lệ, hợp pháp của các giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 của Nghị định này".

Vì vậy việc bỏ sót người thừa kế trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế những người tham gia văn bản thỏa thuận phân chia di sản phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 35 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch quy định:

"Người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao hợp đồng, giao dịch, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch".

Tại thời điểm chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản nêu trên, Ủy ban nhân dân xã K đã thực hiện đúng quy định tại khoản Điều 35 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng

giao dịch.

- Về đơn xin xác nhận mối quan hệ của ông Hoàng Như T2: Ngày 02/12/2022 ông Hoàng Như T2 công dân dân có hộ khẩu thường trú tại xã K, có đơn đề nghị xác nhận mối quan hệ, trong đơn ông T2 đã cam đoan và chịu trách nhiệm nội dung trình bày trong đơn của mình, có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K. Nhưng không phải là đơn đề nghị xác nhận mối quan hệ của những người thuộc hàng thừa kế của ông Hoàng Như G làm căn cứ để Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp GCNQSDĐ đất Lê Thị P1.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- *Ý kiến của ông Hoàng Như T2:* Bố, mẹ ông là ông Hoàng Như G và bà Lê Thị P1 cùng sở hữu khối tài sản là QSD đất tại các GCNQSD đất số A 226916 do UBND huyện Đ cấp ngày 01/7/1990; số BR976887do UBND huyện Đ cấp ngày 11/07/2014; GCNQSD đất số BR 838532, số BR838532, do UBND huyện Đ cấp ngày 18/06/2014.

Sau khi bố ông chết ngày 29/8/2012, đến tháng 8/2018 gia đình ông đã cùng thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế. Nội dung được tất cả anh em trong gia đình thống nhất việc phân chia di sản thừa kế của bố ông để lại cho mẹ ông là bà Lê Thị P1 được thừa kế QSD đất và tài sản gắn liền với đất nên văn bản thỏa thuận có sự xác nhận của UBND xã K, đó là cơ sở để tiến hành các thủ tục cho mẹ ông được đứng tên các GCNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828763, CO 828764, CO 828765, CO 828766 do Sở TN-MT cấp ngày 20/9/2018.

Tuy nhiên thời điểm đó anh trai ông là ông Hoàng Như L, sinh năm 1965, chết năm 2018 có vợ là bà Nguyễn Thị M và 2 người con trai Hoàng Như D, sinh năm 1989 và Hoàng Như G1, sinh năm 1987 nhưng buổi họp gia đình phân chia di sản thừa kế không có sự tham gia của các hàng thừa kế của ông L và bà M và các con. Chị gái ông là bà Hoàng Thị M1, chết năm 1996 có 2 người con là Nguyễn Văn T3, sinh năm 1983 và Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986 cùng trú tại khu Nam Thọ T, TP M, tỉnh Quảng Ninh cũng không có mặt tham gia với tư cách là hàng thừa kế thế vị. Sau đó nội dung này được UBND xã K, huyện Đ đã kết luận: Văn bản phân chia do gia đình bà Lê Thị P1 lập năm 2018 đã bỏ sót hàng thừa kế theo pháp luật của vợ và con đẻ ông Hoàng Như L và hàng thừa kế thế vị của con đẻ bà Hoàng Thị M1 là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy các GCNQSD đất mà mẹ ông đã được Sở TN-MT tỉnh T cấp là không đúng quy định của pháp luật do văn bản phân chia di sản thừa kế được chứng thực tại UBND xã K không có hiệu lực pháp luật để mẹ ông được quyền thừa kế di sản do bố ông để lại.

Vì vậy quan điểm của ông T2 đề nghị TAND tỉnh Thái Nguyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ ông được Sở TNMT cấp cũng như tuyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ ông đã chuyển QSD đất này cho người khác.

- *Ý kiến của bà Hoàng Thị B1, sinh năm 1971:* Có quan điểm tương tự như của ông Hoàng Văn T6. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh tỉnh Thái Nguyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ tôi được Sở TNMT cấp cũng như tuyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ tôi đã chuyển QSD đất này cho người khác.

- *Ý kiến của bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1975:* Có quan điểm tương tự như của ông Hoàng Văn T6. Đề nghị TAND tỉnh Thái Nguyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ tôi được Sở TNMT cấp cũng như tuyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ tôi đã chuyển QSD đất này cho người khác.

- *Ý kiến của bà Hoàng Thị V, sinh năm 1958:* Có quan điểm tương tự như của ông Hoàng Văn T6. Đề nghị TAND tỉnh Thái Nguyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ tôi được Sở TNMT cấp cũng như tuyên hủy các GCNQSD đất mà mẹ tôi đã chuyển QSD đất này cho người khác.

- *Ý kiến của ông Hoàng Như D, sinh năm 1989 (con bà M):* Có quan điểm tương tự như của ông Hoàng Văn T6. Đề nghị TAND tỉnh Thái Nguyên hủy các GCNQSD đất mà bà P1 được Sở TNMT cấp cũng như tuyên hủy các GCNQSD đất mà bà P1 đã chuyển QSD đất này cho người khác.

- *Ý kiến của ông Hoàng Như S:* Ông thừa nhận ý kiến của bà V và các em ông đã trình bày về ngồn gốc tài sản và các con của cụ G và cụ P1. Năm 2018, gia đình ông có tổ chức họp để mẹ ông là cụ Lê Thị P1 đứng tên toàn bộ tài sản của cụ G để lại thành phần buổi họp đúng như bà V và các em ông đã trình bày, hôm đó vắng mặt các cháu T3 và cháu T4 con bà M1, và vắng mặt bà M, cháu G1, cháu D. Tuy nhiên về thủ tục theo quy định của pháp luật như thế nào thì ông không nắm được. Nay bà T6 và các em của ông đề nghị huỷ các Giấy chứng nhận QSD đất trên hiện nay vợ chồng ông đang quản lý và sử dụng thì ông không nhất trí. Chị và các em của ông đều được bố mẹ chia đất cho rồi. Ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Một số người có quyền nghĩa vụ liên quan khác:* Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để viết bản tự khai nên chưa thể hiện rõ quan điểm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, 2 Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T7; Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ T7; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M:

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828763 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên bà Lê Thị P1;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828764 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên bà Lê Thị P1;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828765 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên bà Lê Thị P1;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828766 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 mang tên bà Lê Thị P1;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số CQ 097094 số vào sổ CS00849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho ông Hoàng Như S;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 097096 số vào sổ CS 00848 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho bà Nguyễn Thị T5;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 097095 số vào sổ CS 00847 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho bà Nguyễn Thị T5;

- Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 029529 số vào sổ CS 00862 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 06/12/2018 cho bà Nguyễn Thị T5;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/02/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T và bà Nguyễn Thị T5 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 16/02/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Hoàng Như S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ngày 20/10/2011, cụ G có nhờ con gái là bà Hoàng Thị H2 viết lập giấy chuyển nhượng tài sản từ bố mẹ sang con với nội dung: "Ông Hoàng Như G 80 tuổi, bà Lê Thị P1 70 tuổi do tuổi cao sức yếu nên chuyển giao toàn bộ tài sản của hai ông bà cho con trai cả là Hoàng Như S và vợ là Nguyễn Thị T5 ở đội 18, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên được toàn quyền sử dụng". Văn bản này có chữ ký của cụ G dưới sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị H3 lúc đó là trưởng xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên sau khi cụ G mất, cụ P1 không tìm được văn bản này. Do đó, việc tặng cho tài sản là đúng di nguyện của bố mẹ ông là cụ Hoàng N và bà Lê Thị P1.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế được lập vào tháng 08/2018. Thời điểm đó 08 người con của cụ G và cụ P1 còn sống đều đã thống nhất và ký vào văn bản. Do không được hướng dẫn và thiếu hiểu biết nên mẹ ông đã không mời những người thừa kế kế vị cùng ký văn bản.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của ông, không hủy các GCNQSDĐ mang tên cụ P1, bà T5 và ông S.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị T5, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị H1 đồng ý với quan điểm của ông Hoàng Như S; Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo.

Người khởi kiện trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Như T2 đồng ý với quan điểm của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đơn kháng cáo của đương sự hợp lệ chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo nhận thấy bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Tại quá

trình xét xử phúc thẩm người kháng cáo cung cấp tài liệu là quan điểm của các hàng thừa kế đồng ý việc họp gia đình lập biên bản phân chia di sản của cụ Hoàng Như G nhưng tài liệu này không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị T5. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 24 tháng 1 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho các đương sự S, H, T5; Các đương sự Hường, T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các đương sự được làm và nộp trong thời hạn quy định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 205, Điều 206, Điều 209 - Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, tại phiên tòa, người bị kiện, người có quyền lợi liên quan vắng mặt, nhưng đã có văn bản xin vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 4, Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Xét kháng cáo bản án sơ thẩm của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Về việc xác định đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ theo Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai 2013; khoản 1 và khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện.

Tại Biên bản làm việc ngày 02/11/2022 tại UBND xã K, gia đình bà M mới biết Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828763, số CO 828764, số CO 828765, số CO 828766 ngày 20/9/2018 cho cụ Lê Thị P1.

Đến ngày 07/4/2023, bà M có đơn khởi kiện vụ án hành chính đề nghị hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là trong thời hạn 01 năm và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 07/10/2023, bà M được biết cụ P1 tiếp tục sang tên toàn bộ diện tích đất trên tặng cho lại con trai là ông Hoàng Như S và con dâu là bà Nguyễn Thị T5. Ông S và bà T5 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 097094, số CQ 097095, số CQ 097096 đều vào ngày 22/11/2018, số CQ 029529 ngày 06/12/2018. Do vậy, bà M đã có đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Việc bà M khởi kiện bổ sung là trong thời hiệu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý xem xét là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Xét nội dung các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên thì thành phần hồ sơ, trình tự, thủ cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 828763, số CO 828764, số CO 828765, số CO 828766 ngày 20/9/2018; 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 097094, số CQ 097095, số CQ 097096 đều vào ngày 22/11/2018, số CQ 029529 ngày 06/12/2018, đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên xét về nguồn gốc đất và căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, HĐXX thấy

- Các đương sự đều xác định: Nguồn gốc phần diện tích 2.746 m^2 đất (tại các thửa 364, 197, 211, 212, 202, 203, 404, 393, 367B đều thuộc tờ bản đồ số 20); diện tích 755 m^2 đất (tại các thửa 141, 146 tờ bản đồ số 10 và thửa 62, 146 tờ bản đồ số 19); diện tích 1576 m^2 đất (tại các thửa 38, 59, 60, 119, 121 đều thuộc tờ bản đồ số 10); diện tích 59 m^2 đất (tại các thửa 120 tờ bản đồ số 10 và thửa 24, 37 tờ bản đồ số 19) là của cụ Hoàng Như G và cụ Nguyễn Thị P2, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A 226916 số vào sổ cấp GCNQSD đất 00359 ngày 01/07/1990; số BR 976887, số vào sổ cấp GCNQSD đất 1106 ngày 11/07/2014; số BR 838532, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1105 ngày 18/06/2014; số BR 838532 số vào sổ cấp GCNQSDĐ đất 686 ngày 18/06/2014.

- Căn cứ theo xác nhận của UBND xã K cũng như lời khai của các đương sự đều thừa nhận cụ Hoàng Như G và cụ Lê Thị P1 có 10 người con là: Bà Hoàng Thị V, bà Hoàng Thị M1 *(chết năm 1996, có 2 con là anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4)*, ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng

Như L *(chết năm 2018, có vợ là bà Nguyễn Thị M và 02 con là Hoàng Như G1 (chết năm 2022), Hoàng Như D),* bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị B1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị T1 và ông Hoàng Như T2.

- Xác định hàng thừa kế:

+ Cụ Hoàng Như G chết năm 2012 nên theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những người được hưởng di sản thừa kế của cụ G gồm: cụ Nguyễn Thị P2 (vợ) và các con là bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị B1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị T1 và ông Hoàng Như T2.

+ Đối với bà Hoàng Thị M1 *(chết năm 1996)* chết trước cụ G nên theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, 02 (hai) người con của bà M1 là anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4 là người thừa kế thế vị của bà M1.

+ Đối với ông Hoàng Như L *(chết năm 2018),* chết sau cụ G nên theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005, vợ và các con của ông L là bà Nguyễn Thị M, anh Hoàng Như G1, anh Hoàng Như D là người thừa kế chuyển tiếp đối với kỷ phần thừa kế mà ông L được hưởng

Do vậy, việc định đoạt di sản thừa kế do cụ G để lại phải được sự nhất trí của cụ Nguyễn Thị P2, các con là Hoàng Thị V, ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị B1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị T1, ông Hoàng Như T2, bà Nguyễn Thị M, anh Hoàng Như G1, anh Hoàng Như D, anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4 hoặc có văn bản từ chối nhận di sản được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản theo quy định tại Điều 620 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tuy nhiên, khi tiến hành lập Văn bản phân chia di sản thừa kế tại UBND xã K, không có ý kiến của bà Nguyễn Thị M, anh Hoàng Như G1, anh Hoàng Như D, anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4 là thiếu thành phần. Nội dung này cũng đã được Chủ tịch UBND xã K thừa nhận tại Biên bản làm việc ngày 02/11/2022. Văn bản phân chia di sản thừa kế của gia đình cụ P2 lập tại UBND xã K thiếu người thừa kế dẫn đến việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lê Thị P1 khi chưa có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị M, anh Hoàng Như G1, anh Hoàng Như D, anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Văn T4, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, anh G1, anh D, anh T3 và anh T4.

Như vậy, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho cụ Lê Thị P1 là trái pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO

828763, số CO 828764, số CO 828765, số CO 828766 đều được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 20/9/2018 cho bà Lê Thị P1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Sau khi được cấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên vào ngày 20/9/2018, ngày 29/10/2018, cụ Lê Thị P1 tiếp tục lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng con trai là ông Hoàng Như S và con dâu là bà Nguyễn Thị T5. Sau đó ông Hoàng Như S được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 097094 số vào sổ CS00849 ngày 22/11/2018, bà Nguyễn Thị T5 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 097096, số CQ 097095 ngày 22/11/2018, số CQ 029529 ngày 06/12/2018.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho cụ Lê Thị P1 là trái pháp luật, nên việc cụ P1 tặng cho ông S, bà T5, sau đó ông S, bà T5 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là không hợp pháp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà M, hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số CQ 097095, số CQ 097096 ngày 22/11/2018, số CQ 029529 ngày 06/12/2018 do được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị T5 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 097094 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/11/2018 cho ông Hoàng Như S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Tại quá trình xét xử phúc thẩm người kháng cáo cung cấp tài liệu là quan điểm của các hàng thừa kế đồng ý việc họp gia đình lập biên bản phân chia di sản của cụ Hoàng Như G nhưng tài liệu này không làm thay đổi bản chất của vụ án. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị T5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, phù hợp nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho các đương sự S, H, T5 do là người cao tuổi; Các đương sự Hường, T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1, Điều 349- Luật Tố tụng hành chính; điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 1, Điều 34-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Như S, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị T5.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Miễn án phí cho các đương sự Hoàng Như S, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị T5 do là người cao tuổi;

Các đương sự Hoàng Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000081 và 0000082 ngày 16/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên; đương sự Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000082 ngày 16/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ong Thân Thắng